

Bản án số: 134/2021/HSST

Ngày: 30/9/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Hải
2. Bà Nguyễn Thị Thanh

Thư ký Tòa án: Bà Hà Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Ngô Quốc Hưng - Kiểm sát viên

Trong các ngày 29, 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên, tiến hành xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 117/2021/HSST ngày 13/8/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2021/QĐXX ngày 01/9/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 51 ngày 14/9/2021; Quyết định hoãn số 55/QĐH ngày 20 tháng 9 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Bị cáo

1.1. Họ và tên: **Đàm Văn H** - Tên gọi khác: Không, sinh năm 1983;

Nơi ĐKKHKT: xóm Xuân Quang, xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không. Văn hoá: 08/12; nghề nghiệp: Lái xe. Con ông: Đàm Văn M (Sinh năm 1960) con bà Lý Thị Đ (Sinh năm 1961). Bị cáo có 02 chị em, H là con thứ nhất. Có vợ là: Dương Thị Thùy (Sinh năm 1987), vợ chồng hiện đã ly hôn và có 01 con chung sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không.

Biện pháp ngăn chặn: Đàm Văn H không bị tạm giữ, tạm giam, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

1.2. Họ và tên: **Lê Công T** - Tên gọi khác: Không, sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm Làng Mới, xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Sán diu; tôn giáo: Không. Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe. Con ông: Lê Quảng B (Sinh năm 1959) và con bà Tạ Thị T (Sinh năm 1958). Bị cáo có 02 chị em, T là con thứ nhất. Có vợ là: Trương Thị L (Sinh năm 1988), vợ chồng có 02 con chung sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Biện pháp ngăn chặn: Lê Công T không bị tạm giữ, tạm giam, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Tuấn:

1. Bà Nguyễn Thị D – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên

2. Ông Phạm Ngọc K – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Hùng Vương – Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt bà Dung, ông Khuê tại phiên tòa).

2 Người bị hại:

Anh Đỗ Đình K , sinh năm 1997 (thương tích 99% sức khỏe)

ĐKNKTT: xóm Đèo Nứa, xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

Giám hộ hợp pháp cho anh Khải:

Ông Đỗ Văn B , sinh năm 1970 (bố đẻ anh Khải)

Chị Triệu Thị Huệ, sinh năm 1997 (vợ anh Khải)

Đều ĐKKHKT: Xóm Đèo Nứa, xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

(Có mặt ông B và chị H tại phiên tòa)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Nguyễn Thị N , sinh năm 1982

ĐKKHKT: xóm Thái Sơn 1, xã Quyết Thắng, Tp Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

3.2. Anh Ma Văn Đ , sinh năm 1983

ĐKKHKT: xóm Thái Sơn , xã Quyết Thắng, Tp Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

(Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

4. Người làm chứng

4.1. Anh Hoàng Trung D , sinh năm 1986

ĐKKHKT: Xóm Nhe, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

4.2. Anh Đỗ Văn T , sinh năm 1986

ĐKHKT: xóm Đèo Nứa, xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

4.3. Anh Trương Văn C , sinh năm 1976

ĐKHKT: Xóm Nhe, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

4.4. Anh Hoàng Văn S , sinh năm 1973

ĐKHKT: Xóm Bìa, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

4.5. Anh Lâm Văn C , sinh năm 1991

ĐKHKT: xóm Xuân Quang, xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

4.6. Cháu Nguyễn Xuân D , sinh năm 2006

Giám hộ hợp pháp cho cháu D : Chị Hoàng Thị N , sinh năm 1984 (mẹ cháu Duy)

ĐKHKT: Xóm Nhe, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

4.7. Cháu Trương Việt Q , sinh năm 2006

Giám hộ hợp pháp cho cháu Q : Chị Nguyễn Thị M , sinh năm 1986 (mẹ cháu Quang)

ĐKHKT: Xóm Nhe, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

4.8. Cháu Lại Tiến T , sinh năm 2008

Giám hộ hợp pháp cho cháu T : Anh Lại Văn K , sinh năm 1981 (bố đẻ cháu Tùng)

ĐKHKT: Xóm Nhe, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

(Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 08/9/2020, tại Km 08 + 800, đường tỉnh lộ 274, thuộc địa phận xóm Bìa, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; Đàm Văn Hoàn điều khiển xe ô tô tải gắn cần cẩu BKS 20C-148.14 theo hướng Vĩnh Phúc – Thái Nguyên, đoạn đường này dốc, cong và cua từ phải sang trái nhưng lái xe đã đánh lái sang bên tay trái đường để vượt qua 02 chiếc xe đạp điện, một xe do cháu Trương Việt Q điều khiển, xe còn lại do cháu Lại Tiến T chở theo phía sau là cháu Nguyễn Xuân D điều khiển đi cùng chiều thì xảy ra đâm va với xe mô tô BKS 20H1-482.33 do anh Đỗ Đình K , sinh năm 1997, trú tại xóm Đèo Nứa, xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên điều khiển đi ngược chiều.

Hậu quả: Anh Đỗ Đình K bị ngã văng xuống mương nước bất tỉnh được đưa đi bệnh viện Quân y 91 cấp cứu.

Sau khi tiếp nhận thông tin, CQĐT Công an thị xã Phổ Yên tiến hành các hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật.

Đến 17 giờ 40 phút cùng ngày, Lê Công T, sinh năm 1983, trú tại Xóm Làng Mới, xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đến Công an thị xã Phổ Yên khai nhận là người điều khiển chiếc xe tải gây tai nạn nêu trên. Căn cứ vào kết quả khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định về tỷ lệ thương tật của người bị nạn thiệt hại 99% sức khỏe. Sau khi thu thập tài liệu, chứng cứ, xác định Lê Công T đã thực hiện hành vi điều khiển xe ô tô vượt xe không đúng quy định, gây thiệt hại sức khỏe của nạn nhân nên ngày 17/01/2021, CQĐT Công an thị xã Phổ Yên ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với Lê Công Tuấn về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại khoản 1 Điều 260 BLHS. Trong quá trình điều tra T luôn khai báo các tình tiết vụ án trùng khớp với kết quả khám nghiệm hiện trường, phương tiện tham gia giao thông. Tuy nhiên, đến ngày 14/5/2021, Lê Công T thay đổi lời khai không phải là người điều khiển xe ô tô BKS 20C-148.14 gây ra tai nạn giao thông như đã khai báo, mà người điều khiển xe ô tô gây tai nạn giao thông ngày 08/9/2020, là anh Đàm Văn H, sinh năm 1983, trú tại xóm Xuân Quang, xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Thời điểm đó còn có người đi cùng xe ngồi ở ghế lái phụ chứng kiến là anh Lâm Văn Cường, sinh năm 1991, cùng đi với Hoàn lúc đầu. Ngày 15/5/2021 Đàm Văn Hoàn đến Công an thị xã Phổ Yên đầu thú và khai nhận là người điều khiển xe ô tô BKS 20C-148.14 gây ra vụ tai nạn và thương tật cho anh Đỗ Đình K. Quá trình điều tra Lê Công T và Đàm Văn H khai nhận: Sau khi xảy ra tai nạn, Hoàn sợ gia đình biết nên Tuấn đã nhận hộ là người điều khiển xe ô tô gây tai nạn vì T là người được chủ xe giao xe nên sẽ được chủ xe cùng T hỗ trợ người bị hại, còn Hoàn lo tiền đưa cho Tuấn để bồi thường cho người bị nạn, H trình bày về các tình tiết vụ việc để T khai báo với cơ quan điều tra, nhưng sau đó H không lo được tiền bồi thường cho bị hại nên T đã thay đổi lời khai.

Căn cứ vào kết quả thu thập chứng cứ xác định nội dung vụ án như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 08/9/2020, Đàm Văn H điều khiển xe mô tô BKS 20B1-967.34 chở theo Lâm Văn C (Sinh năm 1991; trú tại xóm Xuân Quang, xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên) xuống khu công nghiệp Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên để xin việc làm. Khi đi xuống đến ngã tư khu công nghiệp Sông Công thuộc thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên thì H và C dừng lại ngồi ăn sáng. Trong quá trình ngồi ăn sáng, Hoàn gọi điện thoại cho Lê Công T (là anh họ của chị Nguyễn Thị T - vợ cũ của H) thì được Tuấn cho biết là đang cầu hàng ở gần đó để chở sang tỉnh Vĩnh Phúc. H bảo với T là cho H, C đi chơi cùng thì được T đồng ý. Sau khi cầu hàng xong, T điều khiển xe ô tô cầu tự hành BKS 20C-148.14 đi cùng 01 nam giới là chủ hàng (hiện không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể) ra khu vực gần ngã tư khu công nghiệp Sông Công để đón H và C. Sau khi gặp H, T hỏi H có lái được xe không, H trả lời có nên T ngồi sang ghế phụ và để H điều khiển xe ô tô BKS 20C-148.14 đi sang tỉnh Vĩnh Phúc để giao hàng. Sau khi giao hàng xong, T điều khiển xe ô tô chở H, C ra về, trên đường về thì dừng lại ăn cơm khoảng 15 phút ở quán ăn ven

đường. Sau khi ăn cơm xong, T tiếp tục điều khiển xe ô tô chở H , C về Thái Nguyên. Khi đi đến đoạn đường giao nhau giữa đường ĐT 310B và đường ĐT 310 thuộc địa phận tổ dân phố Bảo Sơn, thị trấn Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc thì T dừng xe lại đổi cho H sang điều khiển xe ô tô còn T nằm ở hàng ghế nghỉ phía sau ghế lái của xe ô tô để ngủ. Hoàn tiếp tục điều khiển xe ô tô BKS 20C-148.14 đi theo đường tỉnh lộ 274 theo hướng Vĩnh Phúc – Thái Nguyên để về Thái Nguyên. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi H điều khiển xe đi đến Km 08 + 800, thuộc địa phận xóm Bìa, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên thì quan sát thấy phía trước có 02 chiếc xe đạp điện đi cùng chiều, một xe do cháu Trương Việt Q (Sinh năm 2006; trú tại xóm Nhe, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) điều khiển, xe còn lại do cháu Lại Tiến T (Sinh năm 2008) chở phía sau là cháu Nguyễn Xuân D (Sinh năm 2006), cùng trú tại: xóm Nhe, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên điều khiển. Lúc này, H điều khiển xe đánh lái sang bên trái phần đường xe chạy của H để vượt lên thì phát hiện thấy xe mô tô BKS 20H1-482.33 do anh Đỗ Đình K (Sinh năm 1997; trú tại xóm Đèo Nứa, xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) điều khiển đi ngược chiều đến. H đánh lái sang phải để tránh nhưng không kịp nên phần ốp nhựa chắn bùn bên trái phía trước và phần thân xe bên trái của xe ô tô BKS 20C-148.14 đã đâm va với phần đầu xe mô tô BKS 20H1-482.33 gây tai nạn.

Sau khi xảy ra tai nạn, H , T , C cùng xuống xe thì thấy anh K nằm bất động ở dưới mương nước. Thấy vậy, H và T vẫy chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Huyndai Acent, BKS 20A-339.44 do anh Hoàng Văn D (Sinh năm 1986; trú tại xóm Nhe, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) điều khiển để chở anh K đi cấp cứu tại bệnh viện Quân y 91, còn Cường vẫy xe taxi đi về sau.

*** Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định:** Vụ tai nạn giao thông xảy ra vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 08/9/2020, đoạn đường tại km 08 + 800 đường tỉnh 274 thuộc xóm Bìa, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên được trải nhựa, lên dốc hướng Vĩnh Phúc đi Phổ Yên, đoạn đường cong dích dắc, cua từ phải sang trái theo hướng từ chân dốc lên đỉnh dốc, từ đỉnh dốc thì cua từ trái sang phải, hai bên đường có lề đường đất, rãnh thoát nước. Rãnh thoát nước sâu 0,6 mét so với mặt đường. Chọn hướng Vĩnh Phúc đi Phổ Yên làm hướng khám nghiệm, chọn mép đường trái theo hướng khám nghiệm làm chuẩn, xác định các vị trí, dấu vết cụ thể như sau:

(1) được đánh dấu trên sơ đồ là vị trí là xe mô tô BKS 20H1-482.33 đổ nghiêng trái theo chiều xe trên rãnh thoát nước bên trái đường, Đo từ tâm trục bánh xe trước và sau xe (1) vào mép chuẩn theo đường vuông góc được lần lượt là 2,6m và 3,0m.

(2) được đánh dấu trên sơ đồ là vị trí là vùng vết máu có KT (0,7m x 0,5)m, đo từ tâm (2) đến mép chuẩn theo đường vuông góc được 2,5m.

(3) được đánh dấu trên sơ đồ là vị trí là vết cà bột đất, cây cỏ có KT (10,4 x 0,28)m. Đo từ điểm đầu và điểm cuối vết (3) vào mép chuẩn theo đường vuông góc được 0,2m và 1,5m.

(4) được đánh dấu trên sơ đồ là vị trí là vùng dấu vết gồm khâu trang dính máu, cao su bọc tay lái, chắn bùn xe mô tô có KT (1,5x0,9)m.

(5) được đánh dấu trên sơ đồ là vị trí là cao su bọc đế chân xe mô tô nằm trên mép đường chuẩn.

(6) được đánh dấu trên sơ đồ là vị trí là vùng dấu vết gồm chân gương xe mô tô, mảnh nhựa vỡ màu đen xám và nhiều điểm cà trượt bột đường có KT (1 x 0,7)m không rõ chiều hướng.

(7) được đánh dấu trên sơ đồ là vị trí mảnh nhựa màu đen xám có KT (0,14x0,07)m.

(8) được đánh dấu trên sơ đồ là vị trí mảnh nhựa màu đen xám có KT (0,055x0,03)m.

(9) được đánh dấu trên sơ đồ vị trí là vết trượt cao su KT (6,7x0,37)m, chiều hướng Vĩnh Phúc đi Phố Yên.

(10) được đánh dấu trên sơ đồ là vị trí là vết trượt cao su có kích thước (6,5x0,37)m, chiều hướng Vĩnh Phúc đi Phố Yên.

(11) được đánh dấu trên sơ đồ là vị trí là xe ô tô BKS 20C-148.14, đầu xe hướng đi Phố Yên, đuôi xe hướng đi Vĩnh Phúc.

**** Kết quả khám nghiệm phương tiện có liên quan đến vụ tại nạn cho thấy:***

*Xe ô tô BKS 20C-148.14: Xe ô tô có cần cầu màu đỏ, loại TMT TMB: Ốp nhựa phía trên chắn bùn của bánh xe bên trái phía trước có vết mài trượt xước nhựa, kích thước (6,5 x 0,1)cm, chiều hướng từ trước về sau. Đo từ tâm vết này tới mặt đất được 100cm. Phần cuối ốp nhựa có vùng vỡ mất nhựa KT (28x0,5)cm, đo từ tâm xuống mặt đất được 100cm. Thành thùng xe bên trái có vùng vật chất bám dính màu nâu đỏ (nghi máu), kích thước (10x8)cm. Đo từ vùng này tới mặt đất được 93cm. Hệ thống lái, ga, số, phanh, đèn, còi còn hiệu lực.

* Xe mô tô BKS 20H1-489.33: Xe mô tô hai bánh, màu trắng, loại xe Honda Wave (đăng ký sở hữu mang tên Đỗ Đình K): Vỡ bung gá nhựa khớp nối giữa ốp nhựa mặt đèn và cụm đèn pha, xi nhan trước; Vỡ bung gá nhựa khớp nối giữa ốp nhựa đầu xe với mặt đồng hồ đo tốc độ. Tay lái trái bị bung bật cao su bảo vệ; Vỡ mất cụm công tắc điều khiển xi nhan, còi. Vỡ mất ½ chắn bùn trước. Vành xe bị cong vênh, biến dạng. Càng xe trước bên trái bị ngoại lực tác động từ trước về sau cong vênh, biến dạng. Đế chân người lái phía trước bên trái bị ngoại lực tác động từ trước về sau lệch ban đầu 10cm, mất cao su bảo vệ. Đế chân người lái bên phải bị ngoại lực tác động từ trước về sau, lệch khỏi vị trí ban đầu

07cm, đế chân có vùng mài trượt kim loại và cao su kích thước (3 x 2)cm, đo từ vùng này xuống mặt đất được 33cm.

Ngày 04/11/2020, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phổ Yên yêu cầu Hội đồng định giá tài sản xác định giá trị thiệt hại của xe mô tô *BKS 20H1-482.33* tại thời điểm bị xâm hại. Theo Kết luận định giá tài sản số 100/KLĐG ngày 25/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Phổ Yên kết luận: *“Giá trị thiệt hại của xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Honda Wawe, BKS 20H1-482.33 bị hư hỏng... là 1.300.000 đồng.”*

Kết quả khám nghiệm hiện trường và phương tiện giao thông còn tiến hành thu giữ mẫu máu tại vùng (2) niêm phong trong phong bì ký hiệu M1. Thu dấu vết màu tại thành thùng xe phía trước bên trái của xe (11), vị trí cao cách mặt đất 0,9cm niêm phong trong phong bì ký hiệu M2.

Ngày 30/11/2020, CQCSĐT Công an thị xã Phổ Yên ra Quyết định trưng cầu giám định mẫu máu thu được yêu cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an giám định đối với hai mẫu máu thu được nêu trên có phải máu người không? nếu phải có phải của Đỗ Đình K không?

Tại Bản kết luận giám định số 8619/C09 – TT3 ngày 31/12/2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận: *“Mẫu nghi máu thu tại vùng 2 tại hiện trường (ký hiệu M1) và mẫu nghi máu ghi thu tại thùng phía trước bên trái của xe ô tô biển kiểm soát 20C-148.14 (ký hiệu M2) đều là máu người và là máu của Đỗ Đình Khải”.*

Để có cơ sở xác định tỷ lệ thương tích của anh Đỗ Đình Khải, ngày 30/12/2020 CQĐT Công an thị xã Phổ Yên ra Quyết định trưng cầu giám định số 20/CSĐT đối với hồ sơ bệnh án anh Đỗ Đình K tại Trung tâm pháp y tỉnh Thái Nguyên. Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 752/TgT ngày 10/01/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Thái Nguyên, kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Đa chấn thương, tổn thương não gây di chứng sống kiểu thực vật.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 99% (Chín mươi chín phần trăm).

Cơ chế hình thành thương tích do tác động của vật tày.

Vật chứng của vụ án:

Đối với các phương tiện tham gia giao thông gồm: ô tô BKS 20C-148.14; xe mô tô BKS 20H1-482.33, không cần tiếp tục tạm giữ, Cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu tiến hành sửa chữa để sử dụng.

01 giấy phép lái xe ô tô hạng C số 190056667183 tên Lê Công Tuấn;

01 giấy phép lái xe ô tô hạng C số 270206011328 tên Đàm Văn Hoàn;

01 giấy phép lái xe hạng A1 số 1900195006243 mang tên Đỗ Đình Khải;

01 túi niêm phong mã số PSS2A072388, 01 túi niêm phong ký hiệu PSS2A072389;

01 túi niêm phong mã số PSS2A072390;

01 túi niêm phong mã số NS3A114726;

01 túi niêm phong mã số NS3A114727;

01 túi niêm phong mã số NS3A114728;

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A 92 có số IMEI 862251057023554;

01 chiếc điện thoại Iphone 8 Plus màu đen có số IMEI 352978094434736 được chuyển đến kho vật chứng của Chi Cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên chờ xử lý khi xét xử vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra bị cáo và đại diện gia đình bị hại chị Triệu thị H (là giám hộ hợp pháp của anh K) đã thỏa thuận giải quyết xong phần bồi thường thiệt hại với bị cáo Đàm Văn H và Lê Công T số tiền 450.000.000 đồng (trong đó T tự nguyện bồi thường số tiền 70.600.000 đồng). Gia đình anh K không có yêu cầu bồi thường tiếp.

Với nội dung nêu trên, tại bản cáo trạng truy tố số:120/CT – VKSPY ngày 06/8/2021, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên đã truy tố Đàm Văn Hoàn về tội “Vi phạm quy định về tham gia thông đường bộ” theo điểm b khoản 1 Điều 260 BLHS. Truy tố Lê Công Tuấn về tội “Khai báo gian dối” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 382 BLHS.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã thể hiện.

Nhân thân: Cả hai bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS được hưởng: Bị cáo Hoàn được hưởng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; bị cáo Tuấn được hưởng tình tiết giảm nhẹ điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Tình tiết tăng nặng TNHS: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng nào tại Điều 52 BLHS.

Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Đàm Văn H phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS, phạt bị cáo từ 15 – 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo 30 – 36 tháng thử thách.

Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt cấm lái xe đối với bị cáo.

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 382, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS, phạt bị cáo Tuấn từ 12 – 15 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo H đã thực hiện xong, gia đình bị hại không yêu cầu. Ghi nhận bị cáo T tự nguyện chi phí cho bị cáo Hoàn số tiền 70.600.000đ và không yêu cầu bị cáo H trả

Xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại các bị cáo H và T giấy phép lái xe, trả lại các bị cáo điện thoại di động đã thu giữ. Tiêu hủy các vật chứng khác không còn giá trị sử dụng

Án phí: Bị cáo Hoàn phải chịu án phí HSST và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Miễn án phí HSST cho bị cáo Tuấn.

Sau khi HĐXX quay trở lại phiên thủ tục xét hỏi, tại phần luận tội VKS thay đổi nội dung đề nghị đối với các bị cáo như sau:

- Giữ nguyên đề nghị về hình phạt đối với bị cáo Đàm Văn H

- Thay đổi hình phạt đề nghị với bị cáo Lê Công T : cụ thể: đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 382, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 BLHS, phạt bị cáo Tuấn từ 12 – 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 – 30 tháng. Giao bị cáo Tuấn cho địa phương nơi cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Nội dung đề nghị khác VKS vẫn giữ nguyên quan điểm.

*** Phần tranh tụng**

Ý kiến bào chữa của trợ giúp viên Nguyễn Thị D đối với bị cáo Lê Công T :

Về tội danh, khung hình phạt nhất trí theo quan điểm của VKS.

Về tình tiết giảm nhẹ của VKS đề nghị tại phiên tòa cho bị cáo được hưởng theo điểm i, s khoản 1 Điều 51, đồng ý với những tình tiết giảm nhẹ này.

Tuy nhiên, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo T hưởng thêm tình tiết bị đã bồi thường một phần trách nhiệm dân sự cho người bị hại, bản thân bị cáo T cũng tác động đến bị cáo H , để bị cáo Hoàn cùng gia đình lo số tiền bồi thường cho gia đình bị hại. Do xuất phát từ nhận thức còn hạn chế, bị cáo suy nghĩ đơn giản chỉ cần thỏa thuận với gia đình người bị hại trong vụ án tai nạn giao thông thì không có gì nghiêm trọng nên đã dẫn đến việc bị cáo nhận thay cho bị cáo H . Từ những phân tích trên, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do bị cáo T được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ, đề nghị áp dụng điều 54 BLHS, cho bị cáo được mức thấp nhất của khung hình phạt liên hệ trước đó là mức hình phạt quy định tại khoản 1 của Điều 382 BLHS. Đề nghị áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo.

Về án phí, hình phạt bổ sung: nhất trí như đề nghị của VKS.

Về vật chứng: Nhất trí với đề nghị của VKS, trả lại cho bị cáo điện thoại, giấy phép lái xe.

LS Phạm Ngọc K trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo T .

Về tội danh, khung hình phạt như VKS truy tố, luật sư không có ý kiến gì. Tuy

nhiên, việc T khai báo gian dối không thể thực hiện một mình được, nếu H không đồng ý lái xe thì cũng không xảy ra sự việc như ngày hôm nay, do vậy có việc bỏ lọt tội phạm đối với bị cáo H về tội khai báo gian dối, bị cáo H phải là đồng phạm của bị cáo T trong tội khai báo gian dối. Trong khi đó, bản thân bị cáo Tuấn cũng có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51. Do bản thân bị cáo nhận mình là người lái xe cũng là xuất phát từ tình cảm, cũng là anh em, thực chất bị cáo không phạm tội, bị cáo cũng đã tác động đến gia đình để bồi thường toàn bộ yêu cầu của bị đơn và những người liên quan, nên đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Việc áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo T là không đúng, trái với quy định của pháp luật hình sự.

Đề nghị HĐXX áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T từ 9-12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Bị cáo T tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị cáo không phải bồi thường nhưng đã thực hiện việc bồi thường. Do vậy luật sư đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 cho bị cáo là hoàn toàn đúng quy định.

Việc không truy tố bị cáo Hoàn đồng phạm với bị cáo Tuấn trong việc khai báo gian dối, chúng tôi không đi sâu vào vấn đề này vì thực tế giữa bị cáo Tuấn, bị cáo H có quan hệ họ hàng, anh em. Chúng tôi chỉ lưu ý với HĐXX về vấn đề này. Các nội dung khác, không có ý kiến tranh luận gì thêm.

VKS đối đáp quan điểm của Luật sư và trợ giúp viên pháp lý:

Về đề nghị cho bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, vì bị cáo T không có lỗi trong việc gây ra tai nạn cho anh Khải, bị cáo Tuấn không có nghĩa vụ bồi thường cho anh Khải, việc bị cáo Tuấn đứng ra bồi thường không tuân theo nguyên tắc bồi thường do vậy VKS không đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 điều 51, khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo Tuấn.

Về đề nghị áp dụng Điều 54 BLHS, Điều 65 BLHS quyết định hình phạt đối với bị cáo là của HĐXX, VKS không tranh luận vấn đề này, do HĐXX quyết định.

Về ý kiến của người bào chữa cho rằng không khởi tố bị cáo H về tội khai báo gian dối, quan điểm của VKS như sau:

Bị cáo H đã bị truy tố, xét xử về tội vi phạm quy định về điều khiển tham gia giao thông đường bộ. Bản thân bị cáo H không cưỡng ép, không đe dọa, ép buộc bị cáo T phải khai báo gian dối, nhận tội thay cho bị cáo H. Việc bị cáo T nhận tội cho bị cáo H là hoàn toàn tự nguyện, không có lợi ích vật chất gì do vậy chúng tôi vẫn bảo lưu quan điểm truy tố đối với bị cáo T .

Bị cáo T bị truy tố về tội khai báo gian dối, tham gia tố tụng với tư cách là bị

cáo chứ không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Còn về nguyên tắc bồi thường: Bị cáo T không có trách nhiệm bồi thường. Việc bị cáo T hỗ trợ cho gia đình người bị hại bao nhiêu là quan hệ dân sự, trường hợp bị cáo T có yêu cầu bị cáo H bồi thường thì giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Bản chất của việc trao đổi thông tin giữa bị cáo H, bị cáo T là do bị cáo T tự nguyện, không có việc đe dọa, ép buộc của bị cáo H, bản thân bị cáo T cũng đã đưa ra nhiều thông tin khác để đánh lừa cơ quan điều tra.

Bị cáo T thực hiện với lỗi cố ý, bị cáo H thực hiện với lỗi vô ý, do vậy về mức độ nguy hiểm đối với xã hội thì hành vi của bị cáo T là nhiều hơn bị cáo H. Do vậy VKS đã đưa ra mức đề nghị hình phạt đối với hai bị cáo là khác nhau.

Về ý kiến của Luật sư cho rằng việc giải quyết vụ án là không khách quan. Quan điểm của VKS: Nếu việc giải quyết vụ án là chưa khách quan thì luật sư có quyền đề nghị bằng văn bản cho các cơ quan tiến hành tố tụng.

Ý kiến của Luật sư và trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo T tranh luận bổ sung: Sau khi HĐXX quay trở lại thủ tục xét hỏi, tranh luận Luật sư và trợ giúp viên nhất trí về hình phạt VKS thay đổi đề nghị đối với bị cáo Tuấn. Mong HĐXX cân nhắc cho bị cáo hưởng mức án dưới khung hình phạt quy định tại Điều 54 BLHS để thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

Ý kiến của của bị cáo T : Nhất trí với ý kiến lời bào chữa của luật sư và trợ giúp viên, không tranh luận.

Ý kiến đại diện giám hộ hợp pháp cho người bị hại: Nhất trí luận tội của VKS đưa ra. Đề nghị HĐXX cân nhắc cho phù hợp với tình tiết sự thật khách quan của vụ án.

Kết thúc phần tranh tụng bị cáo và đại diện VKS, đại diện theo ủy quyền của những người giám hộ hợp pháp của bị hại không đưa ra quan điểm đối đáp tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo Hoàn và bị cáo Tuấn xác định việc truy tố và bị đưa ra xét xử là đúng tội, xin được hưởng lượng khoan hồng với mức án thấp nhất, để có cơ hội lao động đền bù thiệt hại đối với gia đình do mình gây ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo và người đại diện hợp pháp

của người bị hại được thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng. Những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[1.2]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N và anh Ma Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; những người làm chứng vắng mặt tại phiên toà không có lý do. HĐXX thấy rằng, trong hồ sơ đã có lời khai thể hiện quan điểm của họ, kiểm sát viên, bị cáo cũng đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy việc những người vắng mặt nhưng trong hồ sơ đã có lời khai thể hiện quan điểm của họ nên việc vắng mặt họ không gây trở ngại cho quá trình xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét căn cứ Điều 292, 293 BLTTHS, xét xử vắng mặt họ theo quy định của pháp luật;

[1.3]. Bị cáo Lê Công T là dân tộc thiểu số sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn của huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên được Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên cử người bào chữa cho bị cáo, tại phiên toà bị cáo nhất trí người bào chữa theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý và Quyết định số 861/2021/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, Khu vực II, Khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Ngoài ra bị cáo còn có đơn mời luật sư thuộc Văn phòng luật sư Hùng C – Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên tham gia bào chữa cho bị cáo. Hội đồng xét xử chấp nhận trợ giúp viên do Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên cử là người bào chữa và Văn phòng luật sư cử Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên toà.

[2] Về hành vi bị truy tố, xét xử của bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay, qua xét hỏi bị cáo Đàm Văn H khai nhận: Bị cáo có giấy phép lái xe hạng C, số/No: 270206011328 do Sở giao thông vận tải Bắc Ninh cấp năm 2017, thời điểm gây tai nạn bị cáo mới điều khiển xe ô tô được 3 lần. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 08/9/2020, tại Km 08 + 800, đường tỉnh lộ 274, thuộc địa phận xóm Bìa, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên bị cáo trực tiếp điều khiển xe ô tô tải gắn cần cẩu BKS 20C-148.14 theo hướng Vĩnh Phúc – Thái Nguyên, đoạn đường này dốc, cong và cua từ phải sang trái nhưng H đã đánh lái sang bên tay trái đường để vượt qua 02 chiếc xe đạp điện, một xe do cháu Trương Việt Q điều khiển, xe còn lại do cháu Lại Tiến T chở theo phía sau là cháu Nguyễn Xuân D điều khiển đi cùng chiều thì xảy ra đâm va với xe mô tô BKS 20H1-482.33 do anh Đỗ Đình K điều khiển đi ngược chiều. Hậu quả: anh Khải bị ngã văng xuống ruộng nước ở phía bên tay trái đường, bị thương tích nặng tổn hại **99%** sức khỏe, xe mô tô BKS 20H1-482.33 bị hư hỏng thiệt hại 1.300.000 đồng. Sau khi xảy ra tai nạn, H không đến Cơ quan Công an trình diện, mà bàn bạc thông nhất để Lê Công T đến Cơ quan Công an thị xã Phổ Yên trình diện và cố tình tự khai nhận do một mình T điều khiển xe ô tô BKS 20C-148.14 gây tai nạn. Sau đó trong quá trình điều tra, Tuấn tiếp tục khai báo gian dối, cung cấp các thông tin sai sự thật gây khó khăn, cản trở cho hoạt động điều

tra và thu thập các tài liệu chứng cứ chứng minh vụ án dẫn đến kết quả giải quyết vụ án, khởi tố bị can bị sai đối tượng.

[3]. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại quá trình điều tra và tại phiên tòa cho thấy lời khai của Đàm Văn H và Lê Công T phù hợp với lời khai của những người làm chứng, kết quả thu thập chứng cứ như đối chất, nhận dạng và các hoạt động tố tụng khác của CQĐT đã làm sáng tỏ hành vi phạm tội của các bị cáo có đủ cơ sở xác định lỗi trực tiếp gây ra vụ tai nạn giao thông nêu trên là do Đàm Văn H điều khiển xe ô tô BKS 20C-148.14 đi không đúng phần đường, vượt xe không đúng quy định, không đảm bảo an toàn, vi phạm khoản 1 Điều 9, khoản 2 và điểm c khoản 5 Điều 14 Luật giao thông đường bộ, nên hành vi của Đàm Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự;

“Điều 9. Quy tắc chung

1. Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng ... phần đường quy định

Điều 14. Vượt xe

2. Xe xin vượt chỉ được vượt khi không có chướng ngại vật phía trước, không có xe chạy ngược chiều trong đoạn đường định vượt, xe chạy trước không có tín hiệu vượt xe khác và đã tránh về bên phải.

5. Không được vượt xe khi có một trong các trường hợp sau đây:

c) Đường vòng, đầu dốc và các vị trí có tầm nhìn hạn chế;

Do vậy, Đàm Văn H đã phạm vào tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình, như sau:

“Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ

1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:...

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên;..."

Còn hành vi của Lê Công T đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Khai báo gian dối*", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 382 Bộ luật Hình sự. Cụ thể Điều luật có nội dung:

“Điều 382. Tội khai báo gian dối

1. “Người làm chứng ...mà kết luận, dịch, khai gian dối hoặc cung cấp những tài liệu mà mình biết rõ là sai sự thật, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:

b) Dẫn đến việc giải quyết vụ án, vụ việc bị sai lệch... ”

[4]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS bị cáo được hưởng:

Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra và nhân thân của các bị cáo HĐXX xét thấy:

- Bị cáo Đàm Văn H nhận thức được hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông mà còn xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe và tài sản của người khác, đây là hành vi của người điều khiển, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ, không chấp hành nghiêm chỉnh luật lệ giao thông đường bộ. Xét đây là lỗi vô ý, xong việc đưa ra xét xử về hình sự đối với hành vi vi phạm là thỏa đáng. Do đó, cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo góp phần răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, biết tôn trọng pháp luật và biết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, góp phần phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

- Bị cáo Lê Công T với tư cách là người làm chứng trong vụ án nhưng đã có hành vi khai báo gian dối, tự nhận mình là người người điều khiển ô tô gây tai nạn và cung cấp thông tin không đúng sự thật về diễn biến vụ tai nạn giao thông đã xâm phạm sự đúng đắn của hoạt động tố tụng, gây khó khăn, ảnh hưởng cho quá trình điều tra, dẫn đến việc khởi tố bị can không đúng đối tượng. Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý và là nguy hiểm cho xã hội, việc khai báo với cơ quan tiến hành tố tụng những tình tiết mà mình biết rõ là không đúng sự thật khách quan là hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm sự đúng đắn của hoạt động tố tụng, gây ảnh hưởng đến việc xử lý loại tội phạm khác cũng như trật tự trị an xã hội. Do đó, đối với bị cáo Lê Công T cũng cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS theo quy định tại Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, sau khi nhận thức được hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội các bị cáo Đàm Văn H và Lê Công T đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình bị cáo H thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường cho người bị hại số tiền 450.000.000 đồng và được gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó: Bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Tuấn mặc dù không có trách nhiệm bồi thường trong vụ án. Tuy nhiên bị cáo tự nguyện đưa cho H khoản tiền nhất định để bù đắp cho bị hại. Bị cáo Hoàn được đại diện gia đình người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do vậy, HĐXX xét cho cả hai bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ khác ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] . HĐXX nhận định về hình phạt cần áp dụng:

- Đối với bị cáo Đàm Văn H : Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không thể thấy trước hậu quả có thể xảy ra, xét hành vi bị cáo thực hiện với lỗi vô ý, sau khi phạm tội tự giác khắc phục toàn bộ thiệt hại cho gia đình người bị hại, Tại phiên tòa giám hộ hợp pháp cho bị hại đề nghị HĐXX cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để bị cáo còn lao động bù đắp thiệt hại về kinh tế cho mình gây ra. Về hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, đáng lẽ phải bị xử phạt tù để làm gương răn đe chung. Tuy nhiên, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định và nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, gia đình người bị hại cũng đề nghị cho bị cáo được cải tạo tại địa phương

- Đối với bị cáo Lê Công T : Hành vi phạm tội của bị cáo tuy tính chất mức độ là ít nghiêm trọng, xong ý thức thực hiện với lỗi cố ý, khai báo gian dối, cung cấp các thông tin sai sự thật gây khó khăn, cản trở cho hoạt động điều tra và thu thập các tài liệu chứng cứ chứng minh vụ án dẫn đến kết quả giải quyết vụ án, khởi tố bị can bị sai lệch. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo trình bày hoàn cảnh gia đình có con đang bị bệnh hiểm nghèo, bị cáo là lao động chính cần lao động để có thu nhập cho con chữa bệnh .

Căn cứ về điều kiện cho hưởng án treo quy định khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ - HĐTP ngày 15/5/2018, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 BLHS năm 2015, thì cả hai bị cáo Tuấn và Hoàn có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Do đó, không cần thiết phải xử phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mà cho bị cáo được hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện để giúp cho bị cáo trở thành một công dân tốt có ích cho gia đình và cho xã hội.

[6]. Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 260 BLHS thì: *Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.* Xét thấy bị cáo là lao động chính trong gia đình, sau tai nạn bị cáo vay mượn để có tiền đền bù cho gia đình bị hại nên xin được miễn hình phạt cấm lái xe để bị cáo có điều kiện tích cực lao động khắc phục thiệt hại về kinh tế trả nợ vay mượn và nuôi 3 con ăn học. Xét thấy lời trình bày của các bên để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật nên HĐXX quyết định không áp dụng cấm lái xe đối với bị cáo Hoàn.

Đối với bị cáo Lê Công T : Hành vi khai báo gian dối không nhằm mục đích lợi nhuận mà chỉ nhất thời phạm tội, nên không áp dụng hình phạt bổ sung về việc cấm hành nghề hoặc công việc nhất định.

[7]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã trình bày luận tội đối với các bị cáo, đề nghị HĐXX kết tội bị cáo như Cáo trạng đã truy tố, thay đổi đề nghị mức hình phạt tù đối với bị cáo T sang hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Ngoài ra còn đề xuất về xử lý vật chứng. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án và diễn biến, kết quả tranh tụng tại phiên tòa cũng như nhận định của Hội đồng xét xử. Vì vậy, được chấp nhận.

[8] Xét quan điểm của người bào chữa của luật sư và trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo Lê Công T đề nghị cho bị cáo được cải tạo tại địa phương Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận một phần đề nghị cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định chứ không có căn cứ cho hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề như quan điểm bào chữa của luật sư đối với bị cáo.

[9]. Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo H đã khắc phục bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại (đại diện hợp pháp người bị hại) đã nhận số tiền 450.000.000đ ; Tại phiên tòa giám hộ người bị hại (chị H) cũng xác định toàn bộ khoản tiền bồi thường bao gồm cả việc chăm sóc anh K cho đến khi gặp rủi ro dẫn đến chết chị không yêu cầu bồi thường thêm. Đối với việc đã bồi thường cần thiết ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo H và đại gia đình người bị hại là phù hợp với quy định tại các Điều 584, 585, 590 Bộ luật dân sự.

Bị cáo Lê Công T mặc dù không có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong vụ án này. Tuy nhiên, bị cáo đã tự nguyện giao cho bị cáo Hoàn số tiền 70.600.000đ để bồi thường cho gia đình bị hại. Bị cáo không yêu cầu Hoàn phải có nghĩa vụ trả. Xét đây là sự tự nguyện của hai bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm bồi thường thiệt hại dân sự khi không có yêu cầu, ghi nhận sự tự nguyện này.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị N và anh Ma Văn Đ xác nhận chiếc xe ô tô gây tai nạn do Đàm Văn Hoàn điều khiển đã được Cơ quan điều tra Công an thị xã Phổ Yên trả lại cho gia đình, chị N , anh Đ đã hỗ trợ bị cáo T để bồi thường cho bị hại 5.000.000đ, gia đình chị không có ý kiến và không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả số tiền do gia đình đã chi trả. Do đó, HĐXX không đề cập trách nhiệm của bị cáo với người liên quan

[10]. Vật chứng: Các phương tiện liên quan đến vụ tai nạn đã trả lại cho chủ sở hữu quản lý, sử dụng. Việc trả lại là đúng quy định. HĐXX không xem xét.

Đối với giấy phép lái xe ô tô mang tên Đàm Văn H và Lê Công T , do không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo là cấm lái xe hoặc cấm làm công việc nhất định nên

được trả lại cho các bị cáo tiếp tục sử dụng. Trả lại người bị hại và giám hộ hợp pháp của bị hại giấy phép lái xe mô tô A1.

Đối với hai chiếc điện thoại di động 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A 92 có số IMEI 862251057023554 của Đàm Văn Hoàn và 01 chiếc điện thoại Iphone 8 Plus màu đen có số IMEI 352978094434736 của Lê Công Tuấn. Do không áp dụng hình phạt bổ sung, không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự đối với bị hại, mặt khác là phương tiện liên lạc hàng ngày nên trả lại cho các bị cáo tiếp tục sử dụng;

Các vật chứng khác không còn giá trị sử dụng được tiêu hủy theo quy định gồm: 01 túi niêm phong mã số PSS2A072388 ký hiệu PS2 ghi tay nắm cao su; 01 túi niêm phong ký hiệu PSS2A072389 ký hiệu PS2 ghi bọc đế chân cao su; 01 túi niêm phong mã số PSS2A072390 ký hiệu PS2 ghi chân gương; 01 túi niêm phong 114726 mã số NS3A; 01 túi niêm phong 114727 mã số NS3A; 01 túi niêm phong 114728 mã số NS3A.

[11]. Án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo Hoàn phải chịu án phí HSST theo quy định tại các điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326 của UBTVQH.

Bị cáo T là dân tộc thiểu số sống tại vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326 của UBTVQH nên miễn án phí HSST cho bị cáo.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đàm Văn H phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”. Tuyên bố bị cáo Lê Công T phạm tội “*Khai báo gian dối*”.

2. Hình phạt:

2.1. Hình phạt chính: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260 BLHS; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Đàm Văn H** 15 (mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 382; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Công T** 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đàm Văn H , cho UBND xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ; giao bị cáo Lê Công T cho UBND xã Tân Long huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, nơi các bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách bản án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

(Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo).

2.2.Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đàm Văn H và Lê Công T .

3. Về bồi thường thiệt hại: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo H với gia đình bị hại. Xác nhận bị cáo H đã bồi thường xong toàn bộ chi phí cứu chữa viện phí tổn thất tinh thần cho người bị hại số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của bị cáo Lê Công T với bị cáo Đàm Văn H số tiền 70.600.000đ, để bồi thường cho người bị hại.

Ghi nhận người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N , anh Ma Văn Đ không yêu cầu trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Lê Công T .

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

4.1. Trả lại bị cáo và bị hại vật, tài sản sau:

- Trả lại cho bị cáo Đàm Văn H 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C số 270206011328 mang tên Đàm Văn H và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A 92 có số IMEI 862251057023554;

- Trả lại bị cáo Lê Công T 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C số 190056667183 mang tên Lê Công T và 01 chiếc điện thoại Iphone 8 Plus màu đen có số IMEI 352978094434736;

- Trả lại người bị hại và giám hộ hợp pháp cho bị hại 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 1900195006243 mang tên Đỗ Đình K .

4.2 Tịch thu tiêu hủy các vật chứng khác không còn giá trị sử dụng gồm:

01 túi niêm phong mã số PSS2A072388 ký hiệu PS2 ghi tay nắm cao su; 01 túi niêm phong ký hiệu PSS2A072389 ký hiệu PS2 ghi bọc đế chân cao su; 01 túi niêm phong mã số PSS2A072390 ký hiệu PS2 ghi chân gương; 01 túi niêm phong 114726 mã số NS3A; 01 túi niêm phong 114727 mã số NS3A; 01 túi niêm phong 114728 mã số NS3A.

(Giấy phép lái xe và vật chứng khác đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/8/2021 giữa CQCSĐT Công an thị xã Phổ Yên với Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên).

5. Án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đàm Văn H phải chịu 200.000đ án phí HSST nộp ngân sách Nhà nước; Miễn án phí HSST cho bị cáo Lê Công T .

6. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333 BLTTHS:

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, giám hộ hợp pháp cho bị hại (ông B , chị H) tại phiên tòa. Các bị cáo, giám hộ hợp pháp cho bị hại có mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Đ , chị N tại phiên tòa. Báo cho biết người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an thị xã Phổ Yên;
- VKS nhân dân thị xã Phổ Yên;
- Thi hành án thị xã Phổ Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

